

THÔNG BÁO CHI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG NĂM 2019

(Kèm theo Thông báo số TB-QBVPTR ngày tháng năm của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh)

1. Tên bên cung ứng: UBND thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông.
2. Địa chỉ: thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông.
3. Nội dung chi tiết:

TT	Bên sử dụng DVMTR	Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích quy đổi theo hệ số K (ha)	Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha)	Số tiền được chi trả (đồng)	Số tiền đã tạm ứng (đồng)	Số tiền còn được thanh toán (đồng)
1	2	3	4	5	6=5*4	7	8=6-7
	Tổng				881.522.039	407.454.434	474.067.605
1	Nhà máy thủy điện IaLy	1.171,44	1.034,39	364.177	376.701.429	174.117.788	202.583.641
2	Nhà máy thủy điện Sê San 3	1.171,44	1.034,39	124.638	128.924.648	59.591.159	69.333.490
3	Nhà máy thủy điện Sê San 3A	1.171,44	1.034,39	67.089	69.395.829	32.075.929	37.319.900
4	Nhà máy thủy điện Sê San 4	1.171,44	1.034,39	131.123	135.632.589	62.691.683	72.940.907
5	Nhà máy thủy điện Sê San 4A	1.171,44	1.034,39	44.972	46.518.793	21.501.775	25.017.018
6	Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1	1.171,44	1.034,39	15.489	16.021.621	7.405.465	8.616.156
7	Nhà máy thủy điện Đăk Ne	1.003,09	891,91	84.428	75.302.905	34.806.279	40.496.625

TT	Bên sử dụng DVMTR	Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích quy đổi theo hệ số K (ha)	Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha)	Số tiền được chi trả (đồng)	Số tiền đã tạm ứng (đồng)	Số tiền còn được thanh toán (đồng)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=5*4</i>	<i>7</i>	<i>8=6-7</i>
8	Nhà máy thủy điện Đăk Pô Ne	168,35	142,48	157.375	22.422.047	10.363.850	12.058.197
9	Nhà máy thủy điện Đăk Pô Ne2	168,35	142,48	66.679	9.500.080	4.391.098	5.108.982
10	Nhà máy thủy điện Đăk Pô Ne 2AB	168,35	142,48	7.735	1.102.097	509.408	592.689